TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2558/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 21 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 1273/2023/TLST-HN ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ cư trú: 3 đường số D, khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Lê Minh C, sinh năm 1986

Địa chỉ thường trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ tạm trú: 009 Lô S, Chung cư T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13/7/2023 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 167 Quyển số I do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, cấp ngày 09/9/2009 thì quan hệ hôn nhân của bà Phan Thị T và ông Lê Minh C là tự nguyện và hợp pháp.

Xét quan hệ hôn nhân của bà Phan Thị T và ông Lê Minh C không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà là hoàn toàn phù hợp với qui định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Phan Thị T và ông Lê Minh C xác định có 01 con chung tên Lê H, sinh ngày 03/02/2010. Bà Phan Thị T và ông Lê Minh C thống nhất giao con chung cho ông Lê Minh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Lê Minh C không yêu cầu bà Phan Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà Phan Thị T và ông Lê Minh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Phan Thị T và ông Lê Minh C tự khai không có.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Phan Thị T và ông Lê Minh C phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Lê Minh C thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị T và ông Lê Minh C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 167 Quyển số I do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, cấp ngày 09/9/2009 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Phan Thị T và ông Lê Minh C xác định 01 con chung tên Lê H, sinh ngày 03/02/2010. Giao trẻ Lê H cho ông Lê Minh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Lê Minh C không yêu cầu bà Phan Thị T cấp dưỡng nuôi con chung

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ của bà Phan Thị T và ông Lê Minh C về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Bà Phan Thị T và ông Lê Minh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phan Thị T và ông Lê Minh C xác định không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Phan Thị T và ông Lê Minh C phải chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà Phan Thị T và ông Lê Minh C đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0003502 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Phan Thị T và ông Lê Minh C đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Sương